

Bản án số: 41/2026/HS-ST
Ngày 13/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bắc.

2. Bà Hoàng Thị Việt Hà.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Văn Khiết - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 03 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2026/HSST-QĐ ngày 27 tháng 03 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Văn Đ, sinh năm 1983; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Hoàng Văn T, sinh năm 1963 (đã chết) và bà: Hoàng Thị B, sinh năm 1961 (đã chết); Anh chị em ruột: Có 05 anh chị em, bị cáo thứ 5; Có vợ: Hoàng Thị T1, sinh năm 1984 và con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Hoàng Văn K, sinh năm 1975; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Hoàng Minh H, sinh năm 1948 (đã chết) và bà: Vũ Thị D, sinh năm 1948 (đã chết); Anh chị em ruột: Có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 2; Có vợ: Lại Thị H1, sinh năm 1975 và con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: Ngô Văn V, sinh năm 1981. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Ngô Quang K1, sinh năm 1955 (đã chết) và bà: Bé Thị N, sinh năm 1958; Anh chị em ruột: Có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; Có vợ: Trần Thị L, sinh năm 1983 và con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: Vi Văn T2, sinh năm 1976; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Vi Văn H2, sinh năm 1938 và bà: Vi Thị K2, sinh năm 1943; Anh chị em ruột: Có 10 anh chị em, bị cáo là con thứ 7; Có vợ: Ngô Thị D1, sinh năm 1979 và con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: Vi Văn H3, sinh năm 1983. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Vi Văn H2, sinh năm 1938 và bà: Vi Thị K2, sinh năm 1943; Anh chị em ruột: Có 10 anh chị em, bị cáo là con thứ 10; Có vợ: Bùi Thị H4, sinh năm 1987 và con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

6. Họ và tên: Ngô Văn T3, sinh năm 1981. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và nơi ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đ3; Con ông: Ngô Hồng P, sinh năm 1950 và bà: Vi Thị X, sinh năm 1951; Anh chị em ruột: Có 07 anh chị

em, bị cáo là con thứ 3; Có vợ: Hoàng Thị L1, sinh năm 1983 và con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

7. Họ và tên: Vi Văn L2, sinh năm 1984. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Vi Văn H5, sinh năm 1957 (đã chết) và bà: Vi Thị C, sinh năm 1958; Anh chị em ruột: Có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Có vợ: Bùi Thị V1, sinh năm 1987 và con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

8. Họ và tên: Vi Văn C1, sinh năm 1983. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Vi Xuân H6, sinh năm 1951 và bà: Vi Thị T4, sinh năm 1956; Anh chị em ruột: Có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 5; có vợ: Nông Thị H7, sinh năm 1984 và con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

9. Họ và tên: Chu Văn X1, sinh năm 1976. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và nơi ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Chu Xuân Đ1, sinh năm 1940 (đã chết) và bà: Vàng Thị P1, sinh năm 1938; Anh chị em ruột: Có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ: Nông Thị H8, sinh năm 1974 và con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

10. Họ và tên: Bế Văn T5, sinh năm 1985. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ

học vấn: 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Bế Văn T6, sinh năm 1958 và bà: Vi Thị L3, sinh năm 1960 (đã chết); Anh chị em ruột: Có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Có vợ: Lãnh Thị T7, sinh năm 1988 và con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

11. Họ và tên: **Phạm Văn Q**, sinh năm 1972. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Phạm Đình S, sinh năm 1930 (đã chết) và bà: Phạm Thị S1, sinh năm 1932 (đã chết); Anh chị em ruột: Có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 5; Có vợ: Trần Thị T8, sinh năm 1974 và con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

12. Họ và tên: **Nguyễn Văn H9**, sinh năm 1976. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Bá H10, sinh năm 1957 và bà: Vi Thị T9, sinh năm 1957; Anh chị em ruột: Có 05 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ: Vi Thị T10, sinh năm 1976 và con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

13. Họ và tên: **Vi Văn T11**, sinh năm 1987; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đ3; Con ông: Vy Văn C2, sinh năm 1967 và bà: Nguyễn Kim P2, sinh năm 1966; Anh chị em ruột: Có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ: Ngô Thị H11, sinh năm 1990 và con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

14. Họ và tên: **Vi Văn K3**, sinh năm 1975. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Vi Văn A, sinh năm 1940 (đã chết) và bà: Hoàng Thị C3, sinh năm 1940 (đã chết); Anh chị em ruột: Có 07 chị em, bị cáo là con thứ 7; Có vợ: Nguyễn Thị T12, sinh năm 1975 và con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

15. Họ và tên: **Vi Văn T13**, sinh năm 1974. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Vi Văn T14, sinh năm 1937 (đã chết) và bà: Chu Thị C4, sinh năm 1949; Anh chị em ruột: Có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ 8; Có vợ: Nguyễn Thị T15, sinh năm 1975 và con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

16. Họ và tên: **Ngô Văn Đ2**, sinh năm 1981; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Ngô Văn T16, sinh năm 1939 và bà: Vi Thị C5, sinh năm 1954; Anh chị em ruột: Có 08 chị em, bị cáo là con thứ 6; Có vợ: Hoàng Thị D2, sinh năm 1984 và con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

17. Họ và tên: **Vy Văn C2**, sinh năm 1967. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Vi Văn T17, sinh năm 1929 (đã chết) và bà: Ngô Thị C6, sinh năm 1928 (đã chết); Anh chị em ruột: Có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 5; Có vợ: Nguyễn Kim P2, sinh năm 1966 và

Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ kể ngày 27/12/2025 đến ngày 04/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Có mặt tại phiên tòa).

18. Họ và tên: Hoàng Văn D3, sinh năm 1974. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Hoàng Văn N1, sinh năm 1949 (đã chết) và bà: Lăng Thị L4, sinh năm 1952 (đã chết); Anh chị em ruột: Có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; Có vợ: Hoàng Thị B1, sinh năm 1975 và Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt quả tang, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.(Có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K: Ông Thân Văn L5 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn T13, Vi Văn L2: Ông Lương Đình H12 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn T3: Ông Nguyễn Văn H13 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn X1, Hoàng Văn D3: Bà Đào Hà P3 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (Có mặt).

* **Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn L6, sinh năm 1980.

Trú tại: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

* **Người làm chứng:** Anh Nông Văn T18, sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 26/12/2025, tổ công tác của Công an xã Đ, tỉnh Bắc Ninh phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra (Phòng PC01), Công an tỉnh B phát hiện, bắt quả tang một nhóm người đang đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa, được thua bằng tiền tại Trạm y tế xã C cũ, thuộc thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Bắt giữ tổng số 18 người tham gia đánh bạc gồm: Hoàng Văn Đ, sinh năm 1983; Hoàng Văn K, sinh năm 1975; Hoàng Văn D3, sinh năm 1974, cùng trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; Ngô Văn V, sinh năm 1981; Vi Văn T13, sinh năm 1974; Vi Văn T2, sinh năm 1976; Vi Văn H3, sinh năm 1983; Bé Văn T5, sinh năm 1985; Ngô Văn T3, sinh năm 1981; Vi Văn L2, sinh năm 1984; Chu

Văn X1, sinh năm 1976; Nguyễn Văn H9, sinh năm 1976; Vi Văn C1, sinh năm 1983; Phạm Văn Q, sinh năm 1972; Vi Văn T11, sinh năm 1987; Vy Văn C2, sinh năm 1967; Ngô Văn Đ2, sinh năm 1981; Vi Văn K3, sinh năm 1975, đều trú tại thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

Thu giữ vật chứng gồm: Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 6.630.000 đồng; 04 (bốn) quân vị được làm bằng tre, một mặt màu đen, một mặt màu trắng; 01 (một) chiếc bát sứ, màu trắng đã bị vỡ; 01 (một) chiếc đĩa sứ, màu trắng; 01 (một) bảng vị làm bằng vỏ đựng bao thuốc lá Thăng Long; 01 (một) chiếc chiếu cói có hoa văn.

Kiểm tra trên người các đối tượng đã thu giữ được những đồ vật, tài sản sau: Hoàng Văn K 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, loại XS Max, vỏ màu vàng và số tiền 440.000 đồng; Vi Văn T13 01 chiếc điện thoại, nhãn hiệu Redmi, loại Note 11, vỏ màu xanh; Vi Văn T2 100.000 đồng; Vi Văn H3 01 chiếc điện thoại OPPO, loại A17K, vỏ màu xanh than và số tiền 340.000 đồng; Ngô Văn T3 01 (một) chiếc điện thoại, nhãn hiệu Oppo, loại A78, vỏ màu xanh; Vi Văn L2 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, vỏ màu vàng; Chu Văn X1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A77S, vỏ màu xanh và số tiền 2.300.000 đồng; Vi Văn C1 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại A3S, vỏ màu đen; Phạm Văn Q số tiền 150.000 đồng; Vi Văn T11 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 11 Pro M, vỏ màu vàng. Các điện thoại được niêm phong trong thùng bìa cát tông dán kín ký hiệu “ĐT”.

Tiến hành test nhanh việc sử dụng ma túy các đối tượng qua nước tiểu, kết quả đều âm tính với ma túy.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội đánh bạc như sau:

Ngày 26/12/2025, gia đình ông Vi Văn Q1, sinh năm 1973, ở thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh tổ chức đám cưới cho con và mời khách đến nhà ăn cỗ. Sau khi ăn cỗ, uống rượu tại đám cưới xong khoảng 18 giờ cùng ngày, một số người đã rủ nhau đi sang Trạm y tế xã Chiên Sơn cũ, không còn hoạt động ở phía sau rạp đám cưới nhà ông Q1 để đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Hoàng Văn K chuẩn bị 04 quân vị bằng tre, một mặt tô mực màu đen, một mặt để trắng; Hoàng Văn Đ chuẩn bị bảng vị bằng bìa carton đựng thuốc bao lá Thăng Long. Các đối tượng đi vào trong phòng của Trạm y tế thì đã có sẵn 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, 01 chiếc chiếu cói trải ở nền nhà. Ngô Văn V là người xóc cái cho Vi Văn H3, Bé Văn T5, Hoàng Văn K, Vi Văn T2, Vi Văn T13 đánh bạc; Hoàng Văn Đ là người cầm bảng vị để mọi người đánh bạc.

Hình thức đánh bạc xóc đĩa như sau: Người xóc cái dùng 04 quân vị một mặt đen, một mặt trắng cho vào 01 chiếc đĩa sứ rồi dùng 01 chiếc bát con bằng sứ úp lên rồi dùng tay cầm cả đĩa và bát xóc đều và đặt nguyên cả đĩa, bát xuống giữa chiếu trước mặt mọi người. Quy ước phía bên tay phải của người xóc cái là bên chắn,

phía bên tay trái của người xóc cái là bên lẻ; những người tham gia đánh bạc đặt cược tiền bên chẵn hay lẻ tùy theo sự phán đoán của mỗi người. Mức đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng/1 lượt, mức tối đa là 500.000 đồng /1 lượt. Sau khi mọi người đặt tiền cược xuống cửa ổn định, người xóc cái sẽ mở bát ra, nếu quân vị thể hiện 03 quân trắng, 01 quân đen hoặc 03 quân đen, 01 quân trắng thì những người đặt tiền cược ở bên lẻ thắng bạc; nếu quân vị thể hiện 02 quân đen, 02 quân trắng hoặc 04 quân đen, 04 quân trắng thì những người đặt tiền cược ở bên chẵn thắng bạc, tỷ lệ được thua là 1/1. Người xóc cái thu tiền của người thua bạc và trả tiền cho người thắng bạc, nếu thừa thì được hưởng, nếu thiếu thì phải bỏ tiền riêng để bù vào.

Về cách chơi bảng vị: Bảng vị được kẻ sẵn 04 ô mô tả hình các quân vị sau khi xóc cái mở bát gồm: 03 quân đen; 01 quân trắng; 04 quân trắng, 04 quân đen. Những người đánh bạc đặt tiền cược vào các ô trên bảng vị, khi người xóc cái mở bát ra, nếu các quân vị thể hiện như hình vẽ trên ô nào thì người đặt tiền cược ở ô đó thắng bạc; nếu các quân vị không giống như hình vẽ là thua bạc. Người cầm bảng vị trực tiếp đánh bạc với những người đặt tiền ở bảng vị; thu tiền của người thua bạc và trả tiền cho người thắng bạc. Quy ước mức trả thưởng gấp 3 lần số tiền đặt cược, nếu thua thì sẽ bị mất số tiền cược; số tiền đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng/ lượt, cao nhất là 500.000 đồng/ lượt.

Các đối tượng đánh bạc được khoảng 20-30 phút thì Ngô Văn V bị thua, không đủ tiền để cầm cái nên Hoàng Văn Đ vào thay xóc cái, Hoàng Văn K thay Đ cầm bảng vị, còn V chuyển sang trực tiếp tham gia đánh bạc. Sau đó, lần lượt có Ngô Văn T3, Vi Văn L2, Chu Văn X1, Nguyễn Văn H9, Vi Văn C1, Phạm Văn Q, Vi Văn T11, Vy Văn C2, Ngô Văn Đ2, Vi Văn K3, Hoàng Văn D3 đến và tham gia đánh bạc. Hoàng Văn Đ khai lúc cầm bảng vị thì có 01 người đặt cược 10.000 đồng vào bảng vị nhưng không nhớ là ai; Hoàng Văn K khai khi cầm bảng vị thì không có ai đặt cược tiền vào bảng vị. Khi các đối tượng đánh bạc đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận đã sử dụng tiền tham gia đánh bạc như sau:

- Hoàng Văn Đ khai có 790.000 đồng để tham gia đánh bạc, khi bị bắt Đ đang bị thua bạc, còn lại số tiền 450.000 đồng để dưới chiếu bạc.
- Hoàng Văn K khai có 530.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt đang thua bạc, còn lại số tiền 440.000 đồng để trên người và bị thu giữ.
- Ngô Văn V khai có 1.230.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt đang thua bạc còn lại số tiền 30.000 đồng để dưới chiếu bạc.
- Vi Văn T2 khai có 700.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt đang thua bạc còn lại số tiền 400.000 đồng để dưới chiếu bạc và 100.000 đồng trên người đã bị thu giữ.

- Vi Văn H3 khai có 540.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc bị thua hết và vay của Nguyễn Văn L6 500.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt còn lại số tiền 340.000 đồng ở trên người và bị thu giữ.
- Ngô Văn T3 khai có 300.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt đang thua bạc còn 200.000 đồng để dưới chiếu bạc.
- Vi Văn L2 khai có 300.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt đã bị thua hết.
- Vi Văn C1 khai có 220.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt đang thua bạc còn 200.000 đồng để dưới chiếu bạc.
- Chu Văn X1 khai có 2.400.000 đồng, đã bỏ ra 200.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt bị thua 100.000 đồng, còn 100.000 đồng để trên người đã bị thu giữ. Số tiền 2.200.000 đồng thu giữ trên người X1 không sử dụng đánh bạc.
- Bé Văn T5 khai có 120.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt đã bị thua hết.
- Phạm Văn Q khai có 250.000 đồng, bỏ ra 100.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt đã thua hết. Số tiền 150.000 đồng thu giữ trên người Q không sử dụng đánh bạc.
- Nguyễn Văn H9 khai có 100.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt đã bị thua hết.
- Vi Văn T11 khai có 100.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt đã bị thua hết.
- Vi Văn K3 khai có 100.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt đã bị thua hết.
- Vi Văn T13 khai có 50.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt đang thắng bạc được tổng số tiền 700.000 đồng để dưới chiếu bạc.
- Ngô Văn Đ2 khai có 50.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt thua bạc còn 30.000 đồng để dưới chiếu bạc.
- Vy Văn C2 khai có 25.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt thua bạc còn 5.000 đồng để dưới chiếu bạc.
- Hoàng Văn D3 khai có 10.000 đồng dùng đánh bạc, khi bị bắt đã bị thua hết.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc của bản thân. Số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc thu giữ trên chiếu là 6.630.000 đồng, số tiền thu giữ trên người các bị cáo khai sử dụng đánh bạc là 980.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 7.610.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Số vật chứng, tài sản thu giữ trên chiếu bạc và thu giữ trên người các đối tượng khi bắt quả tang gồm số tiền 9.960.000 đồng, 04 quân vị, 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 01 bảng vị làm bằng vỏ đựng bao thuốc lá Thăng Long; 01 chiếc chiếu cói và 08 chiếc điện thoại di động các loại được chuyển đến kho vật chứng thuộc Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh.

Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Ngô Văn V, Vi Văn T2, Vi Văn H3, Ngô Văn T3, Vi Văn L2, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Chu Văn X1, Bé Văn T5, Nguyễn Văn H9, Vi Văn T11, Vi Văn K3, Vi Văn T13, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2, Hoàng Văn D3 đều khai nhận đúng như nội dung Bản kết luận điều tra và B2 cáo trạng đã truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản Cáo trạng số 75/CT-VKSKV5 ngày 23 tháng 03 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Ngô Văn V, Vi Văn T2, Vi Văn H3, Ngô Văn T3, Vi Văn L2, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Chu Văn X1, Bế Văn T5, Nguyễn Văn H9, Vi Văn T11, Vi Văn K3, Vi Văn T13, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2, Hoàng Văn D3 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, tính chất vụ án và giữ nguyên Quyết định truy tố đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo: Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Ngô Văn V, Vi Văn T2, Vi Văn H3, Ngô Văn T3, Vi Văn L2, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Chu Văn X1, Bế Văn T5, Nguyễn Văn H9, Vi Văn T11, Vi Văn K3, Vi Văn T13, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2, Hoàng Văn D3 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm đến 02 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Ngô Văn V từ 10 đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 08 tháng đến 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Ngô Văn V cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

+ Xử phạt các bị cáo Vi Văn T2, Vi Văn H3, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Vi Văn T11, Ngô Văn Đ2, Vi Văn C7 mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Vi Văn T2, Vi Văn H3, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Vi Văn T11, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T3 từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Ngô Văn T3 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc

Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vi Văn L2, Chu Văn X1, Vi Văn T13, Hoàng Văn D3 mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Vi Văn L2, Chu Văn X1, Vi Văn T13, Hoàng Văn D3 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Vi Văn L2, Chu Văn X1, Vi Văn T13, Hoàng Văn D3

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bé Văn T5, Nguyễn Văn H9, Vi Văn K3 mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Bé Văn T5, Nguyễn Văn H9, Vi Văn K3 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

* Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ: 04 (bốn) quân vị được làm bằng tre; 01 (một) chiếc bát sứ, màu trắng đã bị vỡ; 01 (một) chiếc đĩa sứ, màu trắng; 01 (một) bảng vị làm bằng vỏ thuốc lá Thăng Long và 01 (một) chiếc chiếu cói có hoa văn.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: Số tiền 7.610.000 đồng.

- Trả lại bị cáo: Hoàng Văn K 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, loại XS Max, vỏ màu vàng; Ngô Văn T3 01 (một) chiếc điện thoại, nhãn hiệu Oppo, loại A78, vỏ màu xanh; Vi Văn L2 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 11 Pro Max, vỏ màu vàng; Vi Văn C1 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại A3S, vỏ màu đen; Vi Văn H3 01 chiếc điện thoại OPPO, loại A17K, vỏ màu xanh than; Chu Văn X1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A77S, vỏ màu xanh và số tiền 2.200.000 đồng; Vi Văn T11 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, vỏ màu vàng; Vi Văn T13 01 chiếc điện thoại, nhãn hiệu Redmi, loại Note 11, vỏ màu xanh và Phạm Văn Q 150.000 đồng.

Nhưng tạm giữ điện thoại của bị cáo Vi Văn H3, Vi Văn C1, Vi Văn T11 và tiền của bị cáo Phạm Văn Q để đảm bảo thi hành án.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Buộc các bị cáo Ngô Văn V, Vi Văn T2, Vi Văn H3, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Bé Văn T5, Vi Văn T11, Nguyễn Văn H9, Vi Văn K3, Ngô Văn Đ2, Vy Văn

C2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Ngô Văn T3, Vi Văn L2, Chu Văn X1, Vi Văn T13, Hoàng Văn D3.

* Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K4: Ông Thân Văn L5 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B trình bày ý kiến: Nhất trí tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K4 mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

* Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn T13, Vi Văn L2: Ông Lương Đình H12 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B trình bày ý kiến: Nhất trí tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Vi Văn T13, Vi Văn L2 mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

* Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn T19: Ông Nguyễn Văn H13 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B trình bày ý kiến: Nhất trí tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Vi Văn T19 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

* Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn X1, Hoàng Văn D3: Bà Đào Hà P3 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B trình bày ý kiến: Nhất trí tội danh, điều luật áp dụng. Đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Chu Văn X1, Hoàng Văn D3 mỗi bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

* Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Vi Văn T13, Vi Văn L2, Vi Văn T19, Chu Văn X1, Hoàng Văn D3 đều trình bày ý kiến: Nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Vi Văn T13, Vi Văn L2, Vi Văn T19, Chu Văn X1, Hoàng Văn D3 cho thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề xuất là phù hợp nên giữ nguyên quan điểm.

Bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Ngô Văn V, Vi Văn T2, Vi Văn H3, Ngô Văn T3, Vi Văn L2, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Chu Văn X1, Bé Văn T5, Nguyễn Văn H9, Vi Văn T11, Vi Văn K3, Vi Văn T13, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2, Hoàng Văn D3 nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều

tra, tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Ngô Văn V, Vi Văn T2, Vi Văn H3, Ngô Văn T3, Vi Văn L2, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Chu Văn X1, Bé Văn T5, Nguyễn Văn H9, Vi Văn T11, Vi Văn K3, Vi Văn T13, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2, Hoàng Văn D3 không khiếu kiện, khiếu nại về hành vi, Quyết định của các Cơ quan và những người tiến hành tố tụng như vậy hành vi, Quyết định của các Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền nghĩa vụ liên quan, người làm chứng: Hội đồng xét xử xét thấy người có quyền nghĩa vụ liên quan, người làm chứng được triệu tập hợp lệ, có lời khai trong hồ sơ vụ án, người liên quan không có ý kiến hay yêu cầu gì. Việc vắng mặt của người có quyền nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội và áp dụng pháp luật hình sự đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Ngô Văn V, Vi Văn T2, Vi Văn H3, Ngô Văn T3, Vi Văn L2, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Chu Văn X1, Bé Văn T5, Nguyễn Văn H9, Vi Văn T11, Vi Văn K3, Vi Văn T13, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2, Hoàng Văn D3 đều khai khoảng 18 giờ ngày 26/12/2025, tại Trạm y tế xã C cũ thuộc thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh, các bị cáo đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Trong đó, Ngô Văn V thực hiện hành vi xóc cái, Hoàng Văn Đ cầm bảng vị, sau đó Đ thay V xóc cái, Hoàng Văn K thay Đ cầm bảng vị, các bị cáo còn lại trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc và số tiền thu giữ trên người các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 7.610.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của người liên quan, biên bản xác định hiện trường, vật chứng của vụ án đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Ngô Văn V, Vi Văn T2, Vi Văn H3, Ngô Văn T3, Vi Văn L2, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Chu Văn X1, Bé Văn T5, Nguyễn Văn H9, Vi Văn T11, Vi Văn K3, Vi Văn T13, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2, Hoàng Văn D3 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Xét về tính chất vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây nên dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn khác trong xã hội nên cần

phải xử lý nghiêm theo quy định của Bộ luật hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

Về nhân thân: Các bị cáo trong vụ án đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Văn Q có bố vợ Trần Văn T20 được tặng Huy chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì; Bị cáo Vy Văn C2 có bố đẻ Vi Văn T17, mẹ đẻ Ngô Thị C6 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, nhì, ba; Bị cáo Vi Văn Tuệ ông nội Vi Văn T17, bà nội Ngô Thị C6 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, nhì, ba; Bị cáo Vi Văn C1 có bố đẻ Vi Xuân H6 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Bị cáo Vi Văn T2 có bố mẹ đẻ Vy Văn H14, bà Vy Thị K5 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, nhì, ba; Bị cáo Hoàng Văn Đ có bố đẻ là Hoàng Văn T, bố vợ Hoàng Minh H được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba; Bị cáo Hoàng Văn K có bố đẻ Hoàng Minh H, bố vợ Lại Thanh T21 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, hạng nhất; Bị cáo Ngô Văn Đ2 có bố đẻ Ngô Văn T16 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; Bị cáo Vi Văn H3 có bố đẻ Vy Văn H14 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, ba; Bị cáo Ngô Văn T3 có bố đẻ Ngô Hồng P được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; Bị cáo Ngô Văn V có bố đẻ Ngô Quang K1 tham gia dân công hỏa tuyến, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên các bị cáo Phạm Văn Q, Vy Văn C2, Vi Văn T11, Vi Văn C1, Vi Văn T2, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Ngô Văn Đ2, Vi Văn H3, Ngô Văn T3, Ngô Văn V đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét vai trò và số lượng tiền của từng bị cáo tham gia đánh bạc thì thấy:

Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy đây là một vụ án đồng phạm nhưng không phải phạm tội có tổ chức mà là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ giữa các bị cáo, không có người tổ chức cầm đầu, số lượng tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc không lớn.

Bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K đều chuẩn bị công cụ phương tiện, đều thay phiên nhau cầm bảng vị, bị cáo Đ tham gia xóc cái cho các đối tượng đánh bạc, bị cáo K đánh bạc từ đầu sau đó chuyển sang cầm bảng vị cho các đối tượng tương khác tham gia đánh bạc nên bị cáo Đ và K giữ vai trò cao nhất trong vụ án.

Bị cáo Ngô Văn V là người xóc cái ngay từ đầu cho các đối tượng khác tham đánh bạc, sau đó hết tiền không dừng lại tiếp tục chuyển sang đánh bạc nên

bị cáo V giữ vai trò sau bị cáo Đ và bị cáo K.

Các bị cáo Vi Văn T2, Vi Văn H3, Ngô Văn T3, Vi Văn L2, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Chu Văn X1, Bé Văn T5, Nguyễn Văn H9, Vi Văn T11, Vi Văn K3, Vi Văn T13, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2, Hoàng Văn D3 không xóc cái, chỉ tham gia đánh bạc nên có vai trò ngang nhau trong vụ án, thấp hơn bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Ngô Văn V.

[6] Về hình phạt: Sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Ngô Văn V, Vi Văn T2, Vi Văn H3, Ngô Văn T3, Vi Văn L2, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Chu Văn X1, Bé Văn T5, Nguyễn Văn H9, Vi Văn T11, Vi Văn K3, Vi Văn T13, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2, Hoàng Văn D3 đều là người dân lao động, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, số tiền đánh bạc không lớn, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất đồng phạm giản đơn đối chiếu với Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo đều đủ điều kiện được hưởng án treo. Để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước HĐXX xét thấy chưa cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo như mức đề nghị của Viện kiểm sát, giao các bị cáo cho địa phương nơi cư trú và gia đình quản lý giám sát giáo dục cũng đủ để giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Vi Văn L2, Chu Văn X1, Vi Văn T13, Hoàng Văn D3 đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Ngô Văn T3 thuộc hộ cận nghèo nên không cần thiết phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Bị cáo Ngô Văn V, Vi Văn T2, Vi Văn H3, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Bé Văn T5, Vi Văn T11, Nguyễn Văn H9, Vi Văn K3, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2 tham gia đánh bạc với mục đích trục lợi nên đều phải chịu hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, loại XS Max, vỏ màu vàng của bị cáo Hoàng Văn K; 01 chiếc điện thoại, nhãn hiệu Redmi, loại Note 11, vỏ màu xanh của bị cáo Vi Văn T13; 01 chiếc điện thoại OPPO, loại A17K, vỏ màu xanh than của bị cáo Vi Văn H3; 01 (một) chiếc điện thoại, nhãn hiệu Oppo, loại A78, vỏ màu xanh của bị cáo Ngô Văn T3; 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, vỏ màu vàng của bị cáo Vi Văn L2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A77S, vỏ màu xanh và số tiền 2.200.000 đồng của bị cáo Chu Văn X1; 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại A3S, vỏ màu đen của bị cáo Vi Văn C1; 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 11 Pro M, vỏ màu vàng của bị cáo Vi Văn T11 và số tiền 150.000 đồng của bị cáo Phạm Văn Q không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các

bị cáo, nhưng tạm giữ điện thoại của bị cáo Vi Văn H3, Vi Văn C1, Vi Văn T11 và tiền của bị cáo Phạm Văn Q để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền là 7.610.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 04 quân vị, 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 01 bảng vị làm bằng vỏ đựng bao thuốc lá Thăng Long; 01 chiếc chiếu cói là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Án phí: Bị cáo Ngô Văn V, Vi Văn T2, Vi Văn H3, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Bế Văn T5, Vi Văn T11, Nguyễn Văn H9, Vi Văn K3, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Vi Văn L2, Chu Văn X1, Vi Văn T13, Hoàng Văn D3 đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Ngô Văn T3 thuộc hộ cận nghèo nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 01 năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Hoàng Văn Đ cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 01 năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Hoàng Văn K cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn V 10 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 08 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Ngô Văn V cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Vi Văn T2 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng

án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Vi Văn T2 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Vi Văn H3 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Vi Văn H3 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 08 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 04 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Phạm Văn Q cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Vi Văn C1 08 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 04 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Vi Văn C1 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T3 08 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 04 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Ngô Văn T3 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vi Văn L2 08 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 04 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Vi Văn L2 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Chu Văn X1 08 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 04 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Chu Văn X1 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Bế Văn T5 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Bế Văn T5 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo

dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H9 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Nguyễn Văn H9 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Vi Văn K3 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Vi Văn K3 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

* Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vi Văn T11 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Vi Văn T11 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn Đ2 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Ngô Văn Đ2 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Vy Văn C2 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Vy Văn C2 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Vi Văn T13 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/04/2026). Giao bị cáo Vi Văn T13 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D3 07 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 02 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2026). Giao bị cáo Hoàng Văn D3 cho UBND xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện

theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền là 7.610.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 04 quân vị, 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 01 bảng vị làm bằng vỏ đựng bao thuốc lá Thăng Long; 01 chiếc chiếu cói.

Trả lại bị cáo Hoàng Văn K 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, loại XS Max, vỏ màu vàng.

Trả lại bị cáo Vi Văn T13 01 chiếc điện thoại, nhãn hiệu Redmi, loại Note 11, vỏ màu xanh.

Trả lại bị cáo Vi Văn H3 01 chiếc điện thoại OPPO, loại A17K, vỏ màu xanh than nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo Ngô Văn T3 01 (một) chiếc điện thoại, nhãn hiệu Oppo, loại A78, vỏ màu xanh.

Trả lại bị cáo Vi Văn L2 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, vỏ màu vàng.

Trả lại bị cáo Chu Văn X1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, loại A77S, vỏ màu xanh và số tiền 2.200.000 đồng.

Trả lại bị cáo Vi Văn C1 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại A3S, vỏ màu đen nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo Phạm Văn Q số tiền 150.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo Vi Văn T11 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, loại 11 Pro M, vỏ màu vàng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ngô Văn V, Vi Văn T2, Vi Văn H3, Phạm Văn Q, Vi Văn C1, Bé Văn T5, Vi Văn T11, Nguyễn Văn H9, Vi Văn K3, Ngô Văn Đ2, Vy Văn C2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn K, Ngô Văn T3, Vi Văn L2, Chu Văn X1, Vi Văn T13, Hoàng Văn D3.

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THSDS khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử ngành Tòa án;
- UBND xã Đại Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiếu

